

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 03 (88) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

**Tạp chí Khoa học xã hội
miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Duy Thụy - Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trần Minh Đức - Phó Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

GS.TS. Nguyễn Hữu Minh

Hội Xã hội học Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Thanh Tâm

EM Normandie Business School – Cộng hòa Pháp

TS. Trần Thị Sáu

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

TS. Lê Xuân Thông

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phạm Thị Xuân Nga

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trịnh Thị Thu

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phan Thị Sông Thương

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Nguyễn Thị Thanh Xuyên

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lương Tình

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lại Thị Vân

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trương Thị Hạnh

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

BAN BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh

ThS. Châu Ngọc Hoà

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mục lục

1. Từ địa kinh tế đến địa chính trị: BRI và những ranh giới mong manh trong hợp tác toàn cầu ... 3
Nguyễn Hùng Vương, Đỗ Thị Xuân Hiền
2. Cạnh tranh địa chiến lược giữa EU và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông..... 13
Đặng Minh Đức
3. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực22
Lê Thị Phương Loan, Bạch Thái Hiền
4. Phòng, chống lãng phí trong lĩnh vực kinh tế góp phần đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới31
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
5. Đổi mới quản lý nguồn nhân lực khu vực công tại Việt Nam: Thực trạng và đề xuất giải pháp theo hướng quản trị hiện đại.....38
Chữ Đức Hoàng, Đàm Thị Hiền, Bùi Minh Chuyên
6. Phát triển bền vững du lịch vùng biên giới trong bối cảnh mới: Nghiên cứu trường hợp huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.....47
Hoàng Hồng Hiệp, Tống Thị Hải Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền
7. Thành phố Đà Nẵng đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hướng đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam57
Nguyễn Dũng Anh
8. Nghiên cứu tác động của việc thực thi trách nhiệm xã hội đến sự gắn kết công việc của nhân viên tại các cơ sở lưu trú cao cấp ở Khánh Hòa66
Lê Trần Phúc, Đoàn Nguyễn Khánh Trân, Huỳnh Cát Duyên
9. Mô hình tích hợp du lịch sinh thái và nông nghiệp hữu cơ tại Hội An: Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững.....77
Võ Hữu Hòa
10. Phân tích ý định hành vi chia sẻ tri thức – Trường hợp đội ngũ giảng viên thuộc Đại học Đà Nẵng 84
Phạm Quang Tín, Nguyễn Thị Thanh Nhân, Phanith Silavy
11. Nhận diện loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi.....93
Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến
12. Phát huy Bài Chòi trong không gian đô thị Nam Trung Bộ..... 101
Nguyễn Thị Thanh Xuyên
13. Vai trò của Phật giáo Đà Nẵng (xứ Quảng) trong đời sống xã hội giai đoạn thế kỉ XVII - XIX109
Lê Xuân Thông
14. Dấu tích thời đại đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông..... 119
Vũ Tiến Đức
15. Tái cấu trúc giá trị di sản nhà dài truyền thống của người Ê Đê phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Đắk Lắk..... 130
Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Vũ Minh
16. Câu quan hệ so sánh trong sử thi Đăm Săn và sử thi Xing Nhã..... 137
Phạm Thị Xuân Nga
17. Khai thác văn hóa Chăm để phát triển du lịch: Trường hợp các homestay ở Ninh Phước - Ninh Thuận .. 144
Châu Nữ Hoàng Yến, Đồng Thành Danh

Contents

1. From geoeconomics to geopolitics: the BRI and the fragile boundaries of global cooperation	3
Nguyen Hung Vuong, Do Thi Xuan Hien	
2. Geostrategic competition between the EU and China in the Greater Mekong subregion.....	13
Dang Minh Duc	
3. U.S. - China Strategic Competition in Southeast Asia during 2017 – 2024 from a Realist Perspective.....	22
Le Thi Phuong Loan, Bach Thai Hien	
4. Preventing economic waste to boost Vietnam's strong advancement into a new era.....	31
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy	
5. Innovating public sector human resource management in Vietnam: Current situation and policy recommendations towards modern governance	38
Chu Duc Hoang, Dam Thi Hien, Bui Minh Chuyen	
6. Sustainable tourism development in Quảng Trị's border region in the new context: A case study of the former Hướng Hóa district.....	47
Hoang Hong Hiep, Tong Thi Hai Hanh, Nguyen Thi Thanh Huyen	
7. Đà Nẵng city's promotion of the development of science, technology, innovation, and digital transformation towards the Era of Nation's Rise.....	57
Nguyen Dung Anh	
8. Examining the Impact of implementing Corporate Social Responsibility on Employee Work Engagement in Luxury Accommodations in Khánh Hòa.....	66
Le Tran Phuc, Doan Nguyen Khanh Tran, Huynh Cat Duyen	
9. The integrated model of ecotourism and organic agriculture in Hoi An: Potentials and sustainable development solutions.....	77
Vo Huu Hoa	
10. An analysis of the knowledge sharing behavioral intentions: A case study of lecturers at the University of Danang.....	84
Pham Quang Tin, Nguyen Thi Thanh Nhan, Phanith Silavy	
11. Identifying Types and Levels of Social Conflict in the Economic Sector: Evidence from the Coastal Areas of Quang Ngai Province	93
Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen	
12. Promoting Bài Chòi in the urban contexts of the South Central Coast Region.....	101
Nguyen Thi Thanh Xuyen	
13. The Role of Buddhism in Da Nang (the Quang Region) in Social Life in the 17th–19th centuries.....	109
Le Xuan Thong	
14. Paleolithic Vestiges in the Krông Nô River Basin, Đắk Nông Province	119
Vu Tien Duc	
15. Restructuring the Heritage Value of the Ê Đê's Traditional Longhouses for Tourism Development in Đắk Lắk Province	130
Nguyen Van Manh, Nguyen Vu Minh	
16. Comparative relative sentences in the epics of Đăm Săn and Xing Nhã.....	137
Pham Thi Xuan Nga	
17. Exploiting Chăm culture for tourism development: The case of homestays in Ninh Phước - Ninh Thuận.....	144
Chau Nu Hoang Yen, Dong Thanh Danh	

Nhận diện loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi

Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: chaungochoe01@gmail.com

Tóm tắt: Tỉnh Quảng Ngãi là địa phương có sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng trong thời gian gần đây, đặc biệt là sự hình thành và phát triển của các khu công nghiệp và khu kinh tế. Điều đó dẫn đến nguy cơ và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn xã hội, trong đó có những mâu thuẫn đã chuyển hóa thành xung đột xã hội. Các mâu thuẫn/xung đột xã hội trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua xảy ra trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường và có sự đan xen lẫn nhau. Từ thực tiễn khảo sát 600 người dân và phỏng vấn sâu 50 cán bộ quản lý địa phương, bài viết tập trung nhận diện các loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Từ đó, đề xuất một số hàm ý nhằm ngăn ngừa, hoàn thiện cơ chế xử lý xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.

Từ khóa: Xung đột/mâu thuẫn, kinh tế, xã hội, Quảng Ngãi

Identifying Types and Levels of Social Conflict in the Economic Sector: Evidence from the Coastal Areas of Quang Ngai Province

Abstract: Quang Ngai province has experienced rapid socio-economic development in recent years, particularly with the emergence and expansion of industrial parks and economic zones. This has given rise to potential risks as well as actual occurrences of various social tensions, some of which have escalated into social conflicts. Social contradictions/conflicts in the coastal areas of Quang Ngai province have arisen across economic, social, and environmental domains, often intertwined with one another. Based on a field survey of 600 local residents and in-depth interviews with 50 local government officials, this paper focuses on identifying the types and levels of social conflict within the economic sector in the coastal areas of Quang Ngai province. The study also proposes implications for preventing and improving mechanisms for handling social conflict in the province in the coming period.

Keywords: Conflict/dispute, economy, society, Quang Ngai province.

Ngày nhận bài: 10/4/2025; **Ngày phản biện:** 20/4/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/6/2025

1. Đặt vấn đề

Xung đột xã hội là trạng thái đối lập, mâu thuẫn về lợi ích, mục tiêu, giá trị giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với nhóm xã hội, giữa nhóm xã hội với nhóm xã hội hoặc giữa các tầng lớp xã hội (Coser, 1956). Xung đột xã hội không đơn thuần chỉ mang ý nghĩa tiêu cực, mà còn là động lực thúc đẩy thay đổi, hoàn thiện xã hội. Kinh tế là một lĩnh vực có nhiều nguy cơ phát sinh mâu thuẫn, xung đột xã hội như: sự phân phối không công bằng về tài nguyên, thu nhập, cơ hội việc làm, quyền tiếp cận các dịch vụ... Karl Marx là người đặt nền móng cho những lý thuyết về xung đột xã hội liên quan đến các vấn đề kinh tế. Ông nhấn mạnh mâu thuẫn giai cấp là nguồn gốc chính của xung đột trong xã hội tư bản. Nguồn gốc là sự chiếm hữu tư liệu sản xuất dẫn đến bất bình đẳng về quyền lực và lợi ích kinh tế (Marx & Engels, 1848). Dahrendorf (1959) cho rằng ở mỗi xã hội đều mang trong nó những bất đồng, xung đột tiềm tàng giữa những người có quyền lực và những người bị chi phối. Trong xã hội hiện đại, sự phát triển nhanh chóng của kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mâu thuẫn/xung đột trong lĩnh vực kinh tế như: (1) xung đột giữa người lao động với người sử dụng lao động – biểu hiện qua đình công, yêu cầu tăng lương, yêu cầu cải thiện môi trường làm việc; (2) xung đột về đất đai, tài nguyên giữa người dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước; (3) xung đột xã hội giữa các tầng lớp dân cư do bất bình đẳng thu nhập.

Quảng Ngãi đã đạt được những thành tựu to lớn trong quá trình công nghiệp hóa và phát triển kinh tế nhờ đóng góp quan trọng của khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp trên địa

bàn tính. Năm 2024, GRDP tỉnh Quảng Ngãi (tính theo giá hiện hành) đạt trên 133,3 nghìn tỷ đồng; cơ cấu kinh tế chủ yếu là công nghiệp – xây dựng, dịch vụ chiếm tỷ trọng lên đến 70,1%; thu ngân sách đạt mức 29,5 nghìn tỷ đồng; tổng vốn đầu tư phát triển đạt khoảng 39 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt gần 4,5 nghìn USD (UBND tỉnh Quảng Ngãi, 2024). Song hành cùng với những thành tựu phát triển, tỉnh Quảng Ngãi cũng đã và đang đối mặt với những vấn đề mâu thuẫn/ xung đột xã hội trong phát triển kinh tế. Từ thực tiễn đó, bài viết nhận diện các loại hình xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế, phân tích nguyên nhân và đề xuất một số khuyến nghị nhằm giải quyết các xung đột xã hội trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chuyên gia, phỏng vấn sâu để nhận diện các nhóm mâu thuẫn/ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế xảy ra trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi; sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng phiếu hỏi để kiểm chứng các loại hình xung đột xã hội và nguyên nhân của nó trong lĩnh vực kinh tế. Cuộc điều tra khảo sát được thực hiện vào năm 2024, với quy mô mẫu điều tra là 600 hộ dân trên địa bàn 03 huyện Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi và thị xã Đức Phổ (cũ) (đây là những địa bàn có nhiều vấn đề nổi cộm về mâu thuẫn/xung đột xã hội). Từ dữ liệu điều tra, nghiên cứu này sử dụng các phương pháp phân tích thống kê, so sánh để nhận diện các loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế từ đánh giá của người dân. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm ngăn ngừa xảy ra xung đột xã hội; hoàn thiện cơ chế giải quyết xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhận diện các xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn, trong đó có tham vấn ý kiến chuyên gia và phỏng vấn sâu các cán bộ quản lý địa phương, chúng tôi nhận diện về tổng thể trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi có 06 nhóm xung đột/mâu thuẫn chính trong lĩnh vực kinh tế, như sau: (1) Xung đột/mâu thuẫn liên quan đến thừa kế đất đai và tài sản; (2) xung đột/mâu thuẫn liên quan đến bồi thường và thu hồi đất; (3) xung đột/mâu thuẫn liên quan đến tái định cư; (4) xung đột/mâu thuẫn liên quan đến mất việc làm do thu hồi đất; (5) xung đột/mâu thuẫn liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; (6) xung đột/mâu thuẫn liên quan giữa người lao động và chủ doanh nghiệp. Các phát hiện này khá tương đồng với các lý thuyết xung đột xã hội của Coser (1956), Dahrendorf (1959), hay phát hiện của Bayat (2017).

Bảng 1: Mức độ xảy ra xung đột/mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven tỉnh Quảng Ngãi

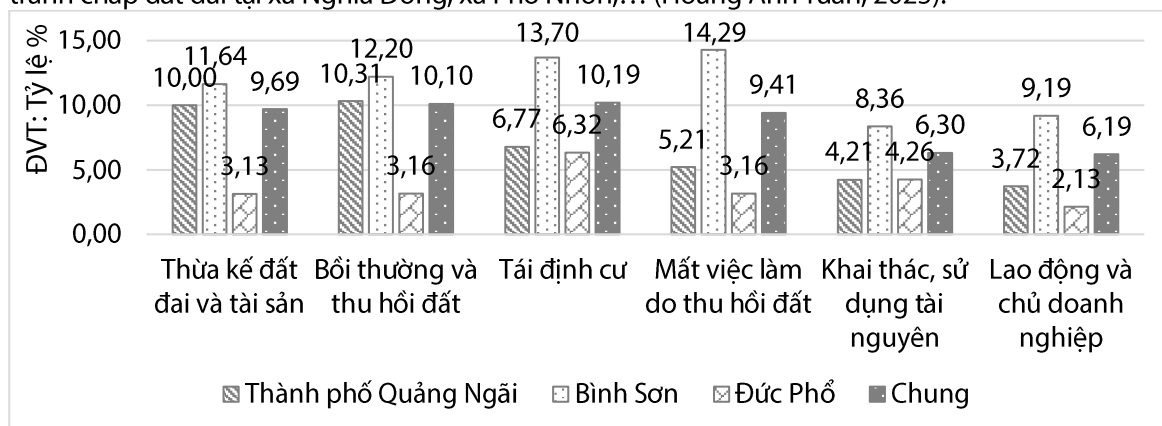
DVT: Tỷ lệ %

TT	Loại hình xung đột	Không ý kiến	Không có	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Thừa kế đất đai và tài sản	19,72	34,95	12,28	23,36	9,00	0,69
2	Bồi thường và thu hồi đất	18,84	36,99	11,64	22,43	8,56	1,54
3	Tái định cư	21,93	38,17	10,54	19,17	9,33	0,86
4	Mất việc làm do thu hồi đất	23,17	40,07	10,10	17,25	8,54	0,87
5	Khai thác, sử dụng tài nguyên	24,17	39,93	10,16	19,44	4,90	1,40
6	Lao động và chủ doanh nghiệp	25,31	41,59	9,20	17,70	5,84	0,35

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)

Kết quả điều tra từ bảng 1 cho thấy, nhìn chung các loại xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế chủ yếu xảy ra mức “thỉnh thoảng”; ở từng địa bàn cụ thể gắn với đời sống của người dân thì có từ 34,95% - 41,59% người dân cho rằng không có xảy ra các hình thức xung đột này. Như vậy, xung đột/mâu thuẫn trong xã hội liên quan đến vấn đề kinh tế có xảy ra, nhưng có sự khác biệt lớn về mức độ xuất hiện mâu thuẫn/ xung đột giữa các địa bàn cụ thể. Hình 1 cho thấy, mức độ xảy ra mâu thuẫn/ xung đột thường xuyên và rất thường xuyên ở huyện Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi cao hơn ở thị xã Đức Phổ. Điều đó phản ánh thực tế rằng, các khu vực công nghiệp và đô thị hóa phát triển nhanh như Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi luôn tiềm ẩn và xuất hiện nhiều nguy cơ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế. Theo số liệu của Công an tỉnh Quảng Ngãi, năm 2024 có 282

vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ của nhân dân, nguyên nhân chủ yếu do mâu thuẫn liên quan đến đất đai và mâu thuẫn sinh hoạt. Trong đó có 30 mâu thuẫn kéo dài, có nguy cơ xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh như: vụ việc mâu thuẫn giữa 49 hộ gia đình thôn Vĩnh Tuy với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; tranh chấp đất đai tại xã Nghĩa Đông, xã Phổ Nhơn,... (Hoàng Anh Tuấn, 2025).



Hình 1: Đánh giá của người dân về xung đột xã hội trong các lĩnh vực kinh tế ở mức thường xuyên và rất thường xuyên

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)

3.2. Mức độ nghiêm trọng của các xung đột/mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi

Kết quả điều tra tại bảng 2 cho thấy, đa số các xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế đều được người dân cho rằng ít nghiêm trọng hoặc không nghiêm trọng, với tỷ lệ đồng ý từ 26,6% đến 42,9%. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều xung đột/mâu thuẫn được đánh giá ở mức nghiêm trọng đến mức rất nghiêm trọng từ 8,45% đến 11,84%. Trước hết, về lĩnh vực thừa kế đất đai, tài sản, có 25,57% người dân cho rằng không nghiêm trọng, 17,34% cho rằng ít nghiêm trọng, 7,88% cho rằng nghiêm trọng và 0,88% cho rằng rất nghiêm trọng. Tỷ lệ người dân cho rằng loại hình xung đột này là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng chủ yếu tại thành phố Quảng Ngãi (với 11,64%) và huyện Bình Sơn (với 9,12%), trong khi đó tại thị xã Đức Phổ chỉ có 2,06% cho rằng nghiêm trọng (hình 2). Nguyên nhân xảy ra tranh chấp/ xung đột là do bất đồng hoặc mâu thuẫn liên quan việc phân chia tài sản, đất đai được kế thừa. Thực tiễn tại Quảng Ngãi cho thấy, có nhiều vụ án khởi kiện xảy ra do mâu thuẫn/xung đột liên quan đến thừa kế đất đai và tài sản (Tòa án nhân dân cấp tại Đà Nẵng, 2023, 2024).

Về lĩnh vực bồi thường, thu hồi đất và tái định cư: đây là lĩnh vực có những mâu thuẫn/xung đột tương đối điển hình ở các địa phương hiện nay, nhất là các địa phương có sản xuất công nghiệp, dịch vụ phát triển. Kết quả điều tra cho thấy, cả hai loại hình xung đột này có mức độ đánh giá ở mức nghiêm trọng và rất nghiêm trọng là khá cao, lần lượt là 10,88% và 9,79%. Trong đó, người dân ở các địa phương Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi đánh giá mức độ nghiêm trọng và rất nghiêm trọng cao hơn đáng kể so với Đức Phổ. Theo đó, có 12,23% người dân thành phố Quảng Ngãi cho rằng mâu thuẫn/ xung đột trong bồi thường và thu hồi đất trên địa bàn là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng; lần lượt là 11,03% cho đánh giá của người dân Bình Sơn và 7,61% cho đánh giá của người dân Đức Phổ; Về xung đột/mâu thuẫn trong lĩnh vực tái định cư, đánh giá của người dân Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi và Đức Phổ về mức độ nghiêm trọng và rất nghiêm trọng của vấn đề này lần lượt là 11,7%, 9,04%, 5,43%.

Về xung đột/mâu thuẫn liên quan đến mất việc làm do thu hồi đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, kết quả điều tra đánh giá của người dân khá tương đồng với các lĩnh vực trên. Theo đó, có 9,57% người dân cho rằng xung đột/mâu thuẫn từ mất việc làm do thu hồi đất là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng; 8,45% cho rằng xung đột/mâu thuẫn từ khai thác, sử dụng tài nguyên là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng. Trong đó, vấn đề nghiêm trọng và rất nghiêm trọng liên quan đến mất việc làm do thu hồi đất ở Bình Sơn được đánh giá cao nhất (với 11,97%) và liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên ở thành phố Quảng Ngãi được đánh giá cao nhất (với 11,89%).

Cuối cùng, kết quả điều tra cũng cho thấy, có 11,83% người dân cho rằng xung đột/mâu thuẫn giữa người lao động và chủ doanh nghiệp là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng. Trong đó, Bình Sơn có tỷ lệ này ở mức cao nhất, với 13,45%; tiếp đến là Đức Phổ với 8,7% và thành phố Quảng Ngãi là 7,41%.

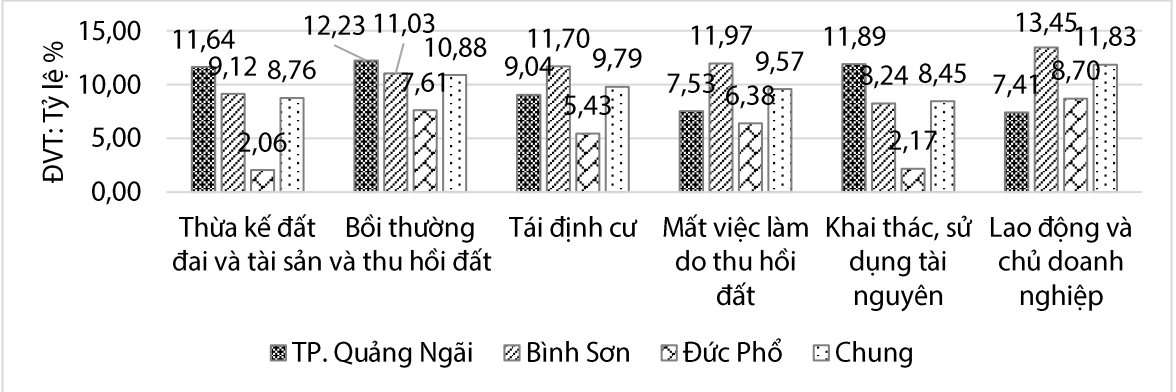
Bảng 2: Mức độ nghiêm trọng của những xung đột/mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế

ĐVT: Tỷ lệ %

TT	Loại hình xung đột	Không ý kiến	Không nghiêm trọng	Ít nghiêm trọng	Trung lập	Nghiêm trọng	Rất nghiêm trọng
1	Thừa kế đất đai và tài sản	22,94	25,57	17,34	25,39	7,88	0,88
2	Bồi thường và thu hồi đất	22,11	23,86	15,26	27,89	8,60	2,28
3	Tái định cư	27,05	24,02	12,63	26,51	8,19	1,60
4	Mất việc làm do thu hồi đất	26,95	25,18	10,46	27,84	8,16	1,42
5	Khai thác, sử dụng tài nguyên	27,70	25,54	11,15	27,16	7,01	1,44
6	Lao động và chủ doanh nghiệp	33,73	18,93	7,69	27,81	10,06	1,78

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)

Như vậy, mức độ nghiêm trọng của các xung đột/mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế chủ yếu tập trung ở các địa bàn có hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh tế phát triển. Cụ thể, huyện Bình Sơn có các khu công nghiệp, khu kinh tế với hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển quy mô lớn, nên các vấn đề xung đột trong lĩnh vực kinh tế là khá nghiêm trọng, nhất là các vấn đề về tái định cư, mất việc làm do thu hồi đất, lao động và chủ doanh nghiệp. Trong khi đó, thành phố Quảng Ngãi có các mâu thuẫn/ xung đột nghiêm trọng liên quan đến kế thừa tài sản và đất đai, bồi thường và thu hồi đất, khai thác và sử dụng tài nguyên, môi trường (hình 2).



Hình 2: Đánh giá của người dân về mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế ở mức nghiêm trọng và rất nghiêm trọng

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)

3.3. Chủ thể chính và các biểu hiện của người dân khi xảy ra xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi

Chủ thể chính của các xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế chủ yếu là Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Trong đó, tùy vào loại hình xung đột xã hội mà chủ thể chính được người dân đánh giá khác nhau. Kết quả điều tra tại bảng 3 cho thấy, Nhà nước là chủ thể chính của các loại hình xung đột/mâu thuẫn liên quan đến bồi thường và thu hồi đất (23,83%), tái định cư (23,33%), mất việc làm do thu hồi đất (19,83%); doanh nghiệp là chủ thể chính của các loại hình xung đột/mâu thuẫn liên quan đến bồi thường và thu hồi đất (21,33%), mất việc làm do thu hồi đất (22%), khai thác, sử dụng tài nguyên (21,5%), lao động và chủ doanh nghiệp (33%); người dân là chủ thể chính của các loại hình xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế là khá cao. Như vậy, trong tất cả các loại hình xung đột/mâu thuẫn xã hội, người dân là chủ thể chính trong các mâu thuẫn/xung đột được đánh giá ở tỷ lệ cao nhất, ngoại trừ mâu thuẫn/xung đột giữa lao động và chủ doanh nghiệp thì chủ thể chính là doanh nghiệp. Đặc biệt, liên quan đến thừa kế đất đai và tài sản thì người dân là chủ thể chính gây ra mâu thuẫn/ xung đột xã hội với 48,67% người dân tán thành.

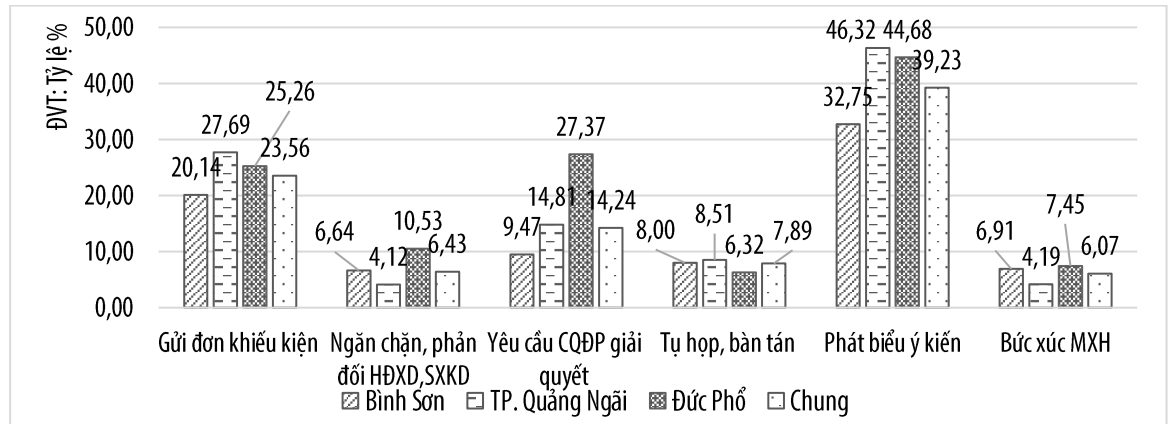
Kết quả điều tra cũng cho thấy, có sự khác biệt nhất định trong việc đánh giá chủ thể chính của các xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế ở từng địa bàn cụ thể. Theo đó, tại thành phố Quảng Ngãi ở các mâu thuẫn/ xung đột do bồi thường và thu hồi đất, tái định cư, mất việc làm do thu hồi đất, người dân đều cho rằng Nhà nước là chủ thể chính gây ra với tỷ lệ lớn nhất, từ 29%-33,5%. Ngược lại, tại Bình Sơn ở các xung đột/mâu thuẫn liên quan đến bồi thường và thu hồi đất, tái định cư, mất việc làm do thu hồi đất, chủ thể chính là người dân chiếm tỷ lệ cao nhất, từ 36%-39%). Tại thị xã Đức Phổ, người dân đánh giá ở cả 03 chủ thể đều ở tỷ lệ khá tương đồng với mức độ rất thấp.

Bảng 3: Chủ thể chính của xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế

TT	Loại hình xung đột	Nhà nước	Doanh nghiệp	Người dân	Khác/không ý kiến
1	Thừa kế đất đai và tài sản	9,67	9,83	48,67	31,83
2	Bồi thường và thu hồi đất	23,83	21,33	31,17	23,67
3	Tái định cư	23,33	15,67	26,50	34,50
4	Mất việc làm do thu hồi đất	19,83	22,00	27,00	31,17
5	Khai thác, sử dụng tài nguyên	14,83	21,50	28,17	35,50
6	Lao động và chủ doanh nghiệp	5,33	33,00	21,83	39,83

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)

Ngoài ra, tỷ lệ người dân lựa chọn với các phản ứng khi xung đột/mâu thuẫn liên quan đến lĩnh vực kinh tế là khá văn minh và phù hợp với bối cảnh xã hội là gửi đơn khiếu kiện (23,56% đồng ý) và phát biểu tại các cuộc họp tại địa phương (39,23% đồng ý). Tuy nhiên, các hoạt động tập trung đông người ngăn chặn, phản đối hoạt động xây dựng, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn diễn ra khá phổ biến với tỷ lệ lựa chọn còn khá cao - 6,43%. Mặc dù đây là hình thức phản ứng chưa phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng hình thức này vẫn đang âm ỉ diễn ra trong thực tiễn, có thể ảnh hưởng đáng kể đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, là mầm mống gây nên xung đột xã hội nghiêm trọng. Một số loại hình xung đột được người dân lựa chọn là yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết với 14,24%, trong đó tại Đức Phổ là cao nhất với 27,37% người dân lựa chọn phương pháp này. Các hình thức phản ứng của người dân lựa chọn là tụ họp, bàn tán (7,89%) và bày tỏ bức xúc trên mạng xã hội (6,07%). Tuy nhiên, đây là những lựa chọn phản ứng không phù hợp do tác động của các cách thức này không đạt được các kết quả giải quyết xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế được giải quyết.



Hình 3: Đánh giá đồng ý với các phản ứng của người dân đối với vấn đề xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)

3.4. Nguyên nhân dẫn đến xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

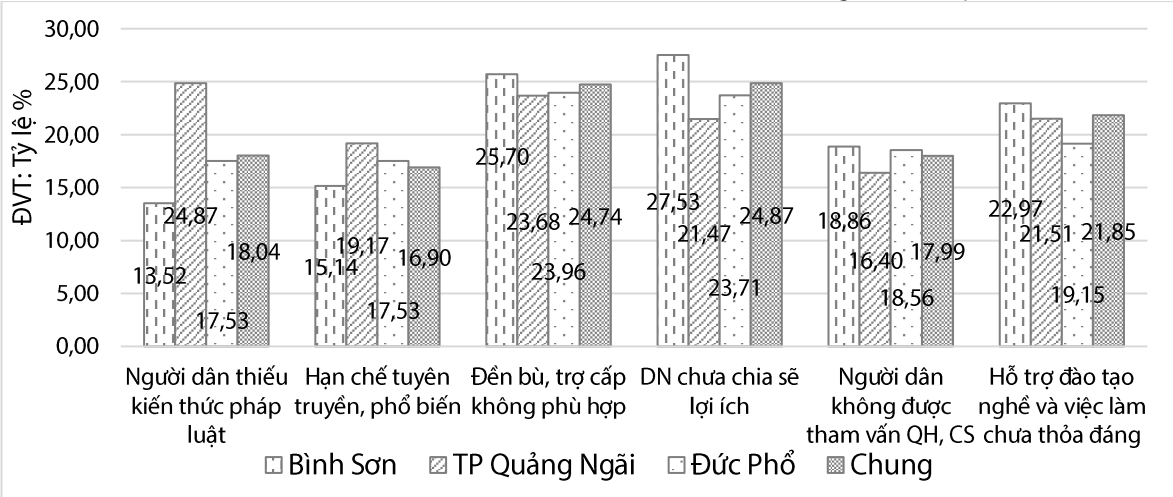
Từ các kết quả phỏng vấn sâu, làm việc với các cơ quan chức năng và đánh giá của người dân, xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu xuất phát

từ các nguyên nhân chính sau: (1) người dân thiếu kiến thức pháp luật liên quan đến quyền thừa kế, luật đất đai; (2) hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, hướng dẫn pháp luật về đất đai, quyền thừa kế; (3) mức đền bù và trợ cấp tái định cư không phù hợp với thực tế; (4) các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn chưa quan tâm chia sẻ lợi ích cho các hộ thuộc diện giải tỏa, đền bù, tái định cư; (5) người dân không được tham vấn về quy hoạch, thực hiện các dự án; (6) người dân chưa được hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm thỏa đáng. Kết quả đánh giá của người dân cho thấy, tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý từ 18-24,87% cho hầu hết các nguyên nhân. Trong đó, tỷ lệ đồng ý của người dân về các nguyên nhân mức đền bù và trợ cấp tái định cư không phù hợp với thực tế; các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn chưa quan tâm chia sẻ lợi ích cho các hộ thuộc diện giải tỏa, đền bù, tái định cư là cao nhất. Điều này cho thấy, đây là các nguyên nhân quan trọng gây ra vấn đề xung đột/mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Bảng 4: Nguyên nhân xảy ra xung đột/mâu thuẫn xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TT	Loại hình xung đột	Không ý kiến	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Người dân thiếu kiến thức pháp luật liên quan đến quyền thừa kế, luật đất đai	28,55	9,98	10,51	32,92	16,46	1,58
2	Hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, hướng dẫn pháp luật về đất đai, quyền thừa kế	21,25	9,41	21,08	31,36	15,51	1,39
3	Mức đền bù và trợ cấp tái định cư không phù hợp với thực tế	25,44	10,70	11,23	27,89	20,00	4,74
4	Các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn chưa quan tâm chia sẻ lợi ích cho các hộ thuộc diện giải tỏa, đền bù, tái định cư	30,43	8,35	11,13	25,22	20,00	4,87
5	Người dân không được tham vấn về quy hoạch, thực hiện các dự án	25,40	15,34	16,40	24,87	14,29	3,70
6	Người dân chưa được hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm thỏa đáng.	29,13	11,37	14,21	23,45	17,41	4,44

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)



Hình 4: Tỷ lệ đồng ý của người dân với các nguyên nhân xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế tại tỉnh Quảng Ngãi

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2024)

Thực tiễn kết quả điều tra ở từng địa bàn cụ thể cũng đã phản ánh phần nào nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn/xung đột xã hội trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Tại huyện Bình Sơn, với trọng tâm phát triển công nghiệp đã phát sinh các nguyên nhân lớn có nguy cơ xảy

ra xung đột xã hội gồm: mức độ đền bù và trợ cấp tái định cư không phù hợp với thực tế (25,7% người dân đồng ý và rất đồng ý); các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn chưa quan tâm chia sẻ lợi ích cho các hộ thuộc diện giải tỏa, đền bù, tái định cư (27,53% người dân đồng ý và rất đồng ý); người dân không được tham vấn về quy hoạch, thực hiện các dự án (18,86% người dân đồng ý và rất đồng ý); người dân chưa được hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm thỏa đáng (22,97% người dân đồng ý và rất đồng ý). Các nguyên nhân xung đột xã hội này được người dân ở Bình Sơn đánh giá đồng ý cao hơn so với ở thành phố Quảng Ngãi và Đức Phổ. Trong khi đó, tại thành phố Quảng Ngãi, các xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế được người dân đánh giá cao chủ yếu do nguyên nhân người dân thiếu kiến thức pháp luật liên quan đến quyền thừa kế, luật đất đai (24,87% đồng ý và rất đồng ý) và hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, hướng dẫn pháp luật về đất đai, quyền thừa kế (19,17% đồng ý và rất đồng ý). Nhìn chung, kết quả đánh giá các nguyên nhân của xung đột xã hội khá tương đồng với các kết quả khảo sát về loại hình, mức độ, biểu hiện của các xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế gắn với đặc thù của từng địa phương. Trong đó, Đức Phổ là địa bàn có các vấn đề xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế là thấp hơn đáng kể so với Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi.

4. Một số hàm ý

Thứ nhất, tập trung thực hiện hiệu quả các giải pháp ngăn ngừa, phòng ngừa từ xa nhằm giảm nguy cơ xảy ra xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chính quyền cấp tỉnh, cấp xã cần tập trung vào nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền kiến thức pháp luật nói chung và các kiến thức pháp luật liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể cho người dân, trong đó đặt trọng tâm các vấn đề liên quan đến đất đai, tài sản, tái định cư, đền bù giải phóng mặt bằng. Khi quy hoạch và triển khai các dự án, địa phương cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt cho những chủ thể có liên quan nắm vững các kiến thức, các quy định liên quan. Cần thực hiện tốt công tác đối thoại trực tiếp đối với người dân ở địa bàn để chủ động nắm bắt và giải quyết tốt các vấn đề phát sinh, không để xảy ra tranh chấp giữa dự án với người dân. Đối với các mâu thuẫn liên quan đến thừa kế đất đai, tài sản, địa phương cần đẩy mạnh công tác quán triệt, giáo dục pháp luật cho người dân. Bên cạnh đó, cần tập trung thực hiện tốt hơn nữa các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng nhằm chủ động hóa giải các mâu thuẫn từ bên trong.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch thông tin đến mọi người dân, xây dựng cơ chế tiếp nhận thông tin kịp thời về các nguy cơ xung đột trong cộng đồng để chủ động xử lý kịp thời. Triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ các nhóm người yếu thế trong xã hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tiếp cận việc làm hoặc các chế độ chính sách xã hội. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội địa phương trong hòa giải, nắm bắt thông tin, tâm tư, nguyện vọng của người dân. Thực hiện tốt hơn nữa Luật Hòa giải ở cơ sở, nhất là phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở.

Nâng cao hơn nữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương. Cần xác định rõ, đối tượng chính trong thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh là những người dân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi hoạt động của doanh nghiệp, dự án.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế giải quyết xung đột xã hội trong từng lĩnh vực cụ thể gắn với thực tiễn của từng địa phương, từng vấn đề xung đột xã hội xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thiết lập cơ chế đối thoại, thương lượng và hòa giải nhanh chóng, kịp thời. Đặc biệt là phát huy vai trò của chính quyền cấp xã/phường trong hòa giải ở cấp cơ sở. Khuyến khích xây dựng mô hình hình xử lý xung đột thông qua hòa giải, thương lượng để giải quyết các xung đột xã hội. Thực hiện công bằng, nghiêm minh các quy định của pháp luật đối với các xung đột xảy ra, nhất là xử lý nghiêm các hành vi kích động, gây rối, lợi dụng các vấn đề xung đột để làm phức tạp hơn. Bên cạnh đó, cần đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo của người dân theo quy định của pháp luật. Theo đó, cần tuyên truyền, quán triệt cho người dân nắm vững không chỉ về quyền mà còn là nghĩa vụ liên quan đến các vấn đề khiếu nại, tố cáo và cung cấp thông tin về nguy cơ xung đột xã hội.

Phát huy hơn nữa vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc xử lý các xung đột xã hội xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đặc biệt, các vấn đề liên quan đến xung đột trong tái định cư,

bồi thường và thu hồi đất cần có sự phối hợp thống nhất giữa chính quyền, công an, tư pháp, báo chí, tổ chức chính trị xã hội để cung cấp thông tin kịp thời cho người dân và phối hợp xử lý xung đột theo quy định. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng chủ thể trong tham gia giải quyết xung đột xã hội.

Ở các cấp chính quyền địa phương, cần có đội ngũ phát ngôn chính thức, kịp thời về các vấn đề xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế để kịp thời phản hồi những thông tin sai lệch với bản chất xung đột. Kết hợp với kiểm soát thông tin hiệu quả, linh hoạt thông qua các quy định của pháp luật về phát ngôn, truyền thông. Không để những thông tin sai lệch, kích động lan truyền mạnh trên các nền tảng mạng xã hội, dẫn đến khó xử lý và gây nguy cơ mất an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Ngoài ra, cơ chế giám sát, đánh giá và rút kinh nghiệm cần được kích hoạt ngay sau khi xử lý các vấn đề xung đột xã hội. Điều này giúp giảm nguy cơ xảy ra các xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế tương tự và rút ra các bài học kinh nghiệm thực tiễn cho việc hoàn thiện cơ chế xử lý xung đột xã hội.

5. Kết luận

Từ thực tiễn các loại hình, đặc điểm và nguyên nhân xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế cho thấy đây là vấn đề phức tạp, phát sinh song hành cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội. Quảng Ngãi là địa phương có sự phát triển mạnh của các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ quy mô lớn gắn với khu kinh tế Dung Quất. Điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh xung đột xã hội, gây nguy cơ mất an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, để ngăn ngừa và xử lý hiệu quả các vấn đề xung đột xã hội, địa phương cần tập trung vào các giải pháp phòng ngừa, ngăn ngừa từ xa. Trong đó, cần chú trọng vào sự công bằng, minh bạch trong ngăn ngừa và xử lý xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Phát huy trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn nhằm giảm thiểu các nguy cơ xung đột gây xung đột xã hội.

Ghi chú: Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp ngăn ngừa, cơ chế xử lý xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì thực hiện và được UBND tỉnh Quảng Ngãi tài trợ.

Tài liệu tham khảo

- Coser, L. A. (1956). *The functions of social conflict*. New York: Free Press.
- Bayat, A. (2017). *Revolution without Revolutionaries: Making Sense of the Arab Spring*. Stanford University Press.
- Marx, K., & Engels, F. (1848). *The Communist Manifesto*.
- UBND tỉnh Quảng Ngãi (2024). Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2025. Báo cáo số 291/BC-UBND ngày 29/11/2024.
- Bayat, A. (2017). *Revolution without Revolutionaries: Making Sense of the Arab Spring*. Stanford University Press.
- Tòa án nhân dân cao cấp tại Đà Nẵng (2024). *Bản án số 08/DS-PL, ngày 17/1/2024 về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và chia thừa kế tài sản*.
- Tòa án nhân dân cao cấp tại Đà Nẵng (2023). *Bản án số 08/DS-PT, ngày 23/2/2023 về việc tranh chấp thừa kế tài sản; tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*.
- Hoàng Anh Tuấn (2025). Thực trạng giải quyết xung đột xã hội và bài học kinh nghiệm trong giải quyết xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp tỉnh “Xung đột xã hội, giải pháp và cơ chế xử lý xung đột trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Quảng Ngãi 6/2025, 54-59.
- Bùi Đức Thọ (2025). Vai trò của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và các tổ chức chính trị xã hội trong tham gia giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; bài học kinh nghiệm rút ra trong xử lý và ngăn ngừa xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh. Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp tỉnh “Xung đột xã hội, giải pháp và cơ chế xử lý xung đột trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Quảng Ngãi 6/2025, 60-66.